

## **Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

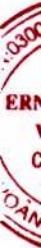
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



# Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 37



# Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xây dựng số 6, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 890/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 30 tháng 6 năm 2000. Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100105503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2000 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5, tòa nhà 29T2, đường Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có một văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 0100105503-002 được cấp ngày 9 tháng 10 năm 2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Khánh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Hoa Cương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Hoa Cương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Văn Khánh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Phần Tuấn	Thành viên	
Ông Fujiwara Akira	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2020
Ông Toda Koji	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2020

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Thanh Huân	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên
Ông Nguyễn Kiến Trung	Thành viên

# Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

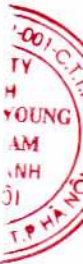
Ông Hoàng Hoa Cương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Trần Văn Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Phan Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Hoa Cương, Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.





Số tham chiếu: 61607314/22099028/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2020. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 12 tháng 8 năm 2019.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Đức Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>551.533.529.197</b>	<b>666.015.467.618</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>20.151.461.498</b>	<b>14.981.516.310</b>
111	1. Tiền		15.151.461.498	9.981.516.310
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>341.398.868.320</b>	<b>381.851.104.906</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	287.047.127.189	333.908.285.148
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	48.044.725.838	42.907.723.024
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	6.933.232.998	5.661.314.439
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(626.217.705)	(626.217.705)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>189.775.785.435</b>	<b>268.623.591.935</b>
141	1. Hàng tồn kho		189.775.785.435	268.623.591.935
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>207.413.944</b>	<b>559.254.467</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	207.413.944	559.254.467
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>61.781.528.425</b>	<b>66.419.241.043</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>47.934.329.050</b>	<b>49.581.769.169</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	47.934.329.050	49.581.769.169
222	Nguyên giá		78.304.988.592	78.304.988.592
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(30.370.659.542)	(28.723.219.423)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		300.000.000	300.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(300.000.000)	(300.000.000)
<b>230</b>	<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>8.159.377.697</b>	<b>8.221.141.657</b>
231	1. Nguyên giá		9.634.256.259	9.634.256.259
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.474.878.562)	(1.413.114.602)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>1.277.320.652</b>	<b>1.277.320.652</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.400.000.000	1.400.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(122.679.348)	(122.679.348)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.410.501.026</b>	<b>7.339.009.565</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.410.501.026	7.339.009.565
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>613.315.057.622</b>	<b>732.434.708.661</b>

ĐÓNG  
CÓ  
T  
KINH S  
VIỆ  
CHI  
H  
V K

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>506.179.493.492</b>	<b>619.526.384.987</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>504.588.193.492</b>	<b>617.185.084.987</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	211.483.157.059	288.232.241.832
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	54.632.587.340	96.656.076.742
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.961.466.421	4.070.001.267
314	4. Phải trả người lao động	14	448.482.106	404.043.218
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	10.402.354.273	18.685.374.594
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.182.290.743	1.771.510.290
320	7. Vay ngắn hạn	17	220.477.855.550	207.365.837.044
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.591.300.000</b>	<b>2.341.300.000</b>
338	1. Vay dài hạn	17	1.591.300.000	2.341.300.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>107.135.564.130</b>	<b>112.908.323.674</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>107.135.564.130</b>	<b>112.908.323.674</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		80.000.000.000	80.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.000.000.000	80.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.612.324.709	14.612.324.709
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		10.963.998.965	10.354.447.344
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.559.240.456	7.941.551.621
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.559.240.456	7.941.551.621
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>613.315.057.622</b>	<b>732.434.708.661</b>



Lê Thị Linh  
Người lập



Mai Phương Anh  
Kế toán trưởng




Hoàng Hoa Cường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	399.742.407.279	394.867.447.612
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	399.742.407.279	394.867.447.612
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(385.146.021.841)	(381.456.272.737)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.596.385.438	13.411.174.875
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	5.221.985.840	5.867.254.592
22	7. Chi phí tài chính		(9.000.659.873)	(8.874.362.947)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(9.000.659.873)	(8.874.362.947)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(9.598.766.502)	(9.054.193.502)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.218.944.903	1.349.873.018
31	11. Thu nhập khác	22	783.486.906	462.874.042
32	12. Chi phí khác	22	(42.704.991)	(4.118.696)
40	13. Lợi nhuận khác	22	740.781.915	458.755.346
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.959.726.818	1.808.628.364
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(400.486.362)	(362.549.412)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.559.240.456	1.446.078.952
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	195	134
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	195	134



Lê Thị Linh  
Người lập



Mai Phương Anh  
Kế toán trưởng



Hoàng Hoa Cường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>1.959.726.818</b>	<b>1.808.628.364</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		1.709.204.079	1.996.503.296
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		-	(313.996.196)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.220.677.579)	(5.867.254.592)
06	Chi phí lãi vay		9.000.659.873	8.874.362.947
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>7.448.913.191</b>	<b>6.498.243.819</b>
09	Giảm các khoản phải thu		45.546.570.504	17.433.294.824
10	Giảm hàng tồn kho		78.847.806.500	27.701.223.349
11	Giảm các khoản phải trả		(125.452.263.978)	(38.270.678.138)
12	Giảm chi phí trả trước		3.280.349.062	4.495.142.069
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.984.102.976)	(8.871.712.465)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(745.689.282)	(1.734.704.055)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(60.000.000)	(433.357.024)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(118.416.979)</b>	<b>6.817.452.379</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(34.090.909)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		126.343.661	108.967.163
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>126.343.661</b>	<b>74.876.254</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		193.165.188.531	163.525.169.030
34	Tiền trả nợ gốc vay		(180.803.170.025)	(162.379.007.172)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) vào hoạt động tài chính		<b>5.162.018.506</b>	<b>(6.053.838.142)</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<b>5.169.945.188</b>	<b>838.490.491</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		<b>14.981.516.310</b>	<b>19.997.771.190</b>
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<b>20.151.461.498</b>	<b>20.836.261.681</b>



Lê Thị Linh  
Người lập



Mai Phương Anh  
Kế toán trưởng



Hoàng Hoa Cường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Visicons ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xây dựng số 6, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 890/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 30 tháng 6 năm 2000. Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và theo Giấy Chứng Nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100105503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2000 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2018.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5, tòa nhà 29T2, đường Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có một văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 0100105503-002 được cấp ngày 09 tháng 10 năm 2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 292 (ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 308).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng xây lắp - bao gồm giá vốn nguyên vật liệu, nhân công, chi phí cho thầu phụ và các chi phí có liên quan khác của các công trình xây lắp chưa được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận khối lượng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ và các chi phí chung được phân bổ theo tiêu chí hợp lý .

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản dự phòng**

*Dự phòng chung*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Doanh thu cho thuê*

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.16 Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và hợp đồng xây dựng được thanh toán theo giá trị khối lượng đã thực hiện thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được khách hàng xác nhận trong năm thông qua các bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

#### 3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây dựng. Hoạt động liên quan đến kinh doanh bất động sản và cho thuê khác cũng là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xây lắp và chiếm tỷ trọng doanh thu rất nhỏ như trình bày tại Thuyết minh số 19. Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tiền mặt	9.631.748.250	9.756.199.072
Tiền gửi ngân hàng	5.519.713.248	225.317.238
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.151.461.498</b>	<b>14.981.516.310</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Tây, có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 4,25%/năm (31 tháng 12 năm 2019: từ 4,5% đến 5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải thu từ khách hàng	256.637.915.884	290.361.304.000
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam</i>	43.808.464.905	43.808.464.894
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex</i>	25.606.979.551	32.073.866.654
<i>Công ty TNHH Công nghệ Amtran Việt Nam</i>	23.400.000.000	-
<i>Công Ty Cổ Phần Sunshine Marina Nha Trang</i>	22.207.564.000	22.207.564.000
<i>Công ty Cổ phần Bitexco</i>	19.891.462.640	22.149.098.163
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	121.723.444.788	170.122.310.289
Phải thu từ các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 25)</i>	30.409.211.305	43.546.981.148
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>287.047.127.189</u></b>	<b><u>333.908.285.148</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(626.217.705)	(626.217.705)

Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Số dư đầu kỳ	626.217.705	940.213.901
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(313.996.196)
Số dư cuối kỳ	<u>626.217.705</u>	<u>626.217.705</u>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Khu nhà ở bán cho cán bộ Bộ công an	9.391.001.038	9.379.653.666
Hạ tầng vào khu quy hoạch Đại học Huế	5.359.144.156	5.359.144.156
Dự án nhà ở xã hội Phong Bắc - Đà Nẵng	2.581.063.138	2.489.287.138
Nhà CT1 - Dự án Nam Đô	4.167.907.078	3.995.179.805
Bệnh viện Tâm Anh	2.922.909.728	-
Dự án 249 Thụy Khuê	2.118.775.524	-
Các công trình khác	21.503.925.176	21.684.458.259
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>48.044.725.838</u></b>	<b><u>42.907.723.024</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Phải thu lãi chậm trả từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	4.925.155.944	4.379.305.520
Phải thu tạm ứng từ cá nhân	1.094.083.189	256.847.151
Ký cược, ký quỹ	814.800.000	814.800.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	99.193.865	210.361.768
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.933.232.998</b>	<b>5.661.314.439</b>

**7. NỢ XẤU**

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn thu hồi của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Đô	246.197.100	-	246.197.100	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	187.915.800	-	187.915.800	-
Công ty TNHH Quang Ninh	89.803.280	-	89.803.280	-
Công ty Cổ phần Hồng Hà số 1	52.000.000	-	52.000.000	-
Phải thu khác	50.301.525	-	50.301.525	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>626.217.705</b>	<b>-</b>	<b>626.217.705</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hoạt động xây lắp</b>				
The Manor Central Park	23.165.466.733	-	28.661.024.575	-
Nhà xưởng Hitron Thủy Nguyên Hải Phòng	10.524.061.598	-	79.223.343.182	-
Bệnh viện Tâm Anh	15.677.299.892	-	17.969.513.962	-
Tổ hợp Thương mại Dịch vụ văn phòng cho thuê và nhà ở chung cư H3 – ADG Garden	15.056.364.286	-	14.989.370.799	-
Khách sạn khu Seahorse Cam Ranh - Khánh Hòa - Nha trang	15.034.130.889	-	11.959.866.984	-
Nhà máy LUXSHARE	10.562.565.511	-	-	-
Công trình TMS Phúc Yên	9.297.035.694	-	8.985.253.408	-
Nhà máy Yakult Việt Nam	8.742.807.114	-	9.917.618.215	-
Nhà máy Thiết bị Điện Cẩm Phả	5.344.124.201	-	12.151.843.798	-
Nhà máy Nippon Hà Nam	2.978.878.035	-	9.980.501.521	-
Nhà xưởng giai đoạn 2 - Công ty TNHH Công nghệ Amtran Việt Nam	10.612.677.690	-	-	-
Dự án CT4-Vimeco	-	-	8.240.188.379	-
Các công trình khác	62.780.373.792	-	66.545.067.112	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>189.775.785.435</b>	<b>-</b>	<b>268.623.591.935</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	39.400.468.670	29.873.126.126	5.611.528.316	3.419.865.480	78.304.988.592
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	39.400.468.670	29.873.126.126	5.611.528.316	3.419.865.480	78.304.988.592
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	5.348.489.019	2.193.126.498	188.450.273	7.730.065.790
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	6.794.111.901	15.777.211.391	3.647.795.058	2.504.101.073	28.723.219.423
- Khấu hao trong kỳ	441.536.039	881.255.236	170.920.091	153.728.753	1.647.440.119
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	7.235.647.940	16.658.466.627	3.818.715.149	2.657.829.826	30.370.659.542
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	32.606.356.769	14.095.914.735	1.963.733.258	915.764.407	49.581.769.169
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	32.164.820.730	13.214.659.499	1.792.813.167	762.035.654	47.934.329.050

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Đơn vị tính: VND

Quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng

**Nguyên giá:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	9.634.256.259
Mua trong kỳ	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>9.634.256.259</u>

**Giá trị hao mòn lũy kế:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.413.114.602
Khấu hao trong kỳ	61.763.960
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>1.474.878.562</u>

**Giá trị còn lại:**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>8.221.141.657</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>8.159.377.697</u>

Bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại tầng 1 và tầng 2 của khu nhà tại H10 Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty chưa thu thập được dữ liệu thị trường để xác định giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Quyền khai thác, kinh doanh và các lợi ích, quyền lợi phát sinh từ việc khai thác và kinh doanh đối với tầng 1 và tầng 2 của khu nhà ở H10 Thanh Xuân Nam đang được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 48.12.051.532484 ngày 5 tháng 6 năm 2012 cho các hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Việt Nam	14%	1.400.000.000	(*)	14%	1.400.000.000	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<u>1.400.000.000</u>			<u>1.400.000.000</u>	
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		(122.679.348)			(122.679.348)	

(\*) Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác này do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	207.413.944	559.254.467
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>207.413.944</b>	<b>559.254.467</b>
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	3.591.547.538	5.951.635.106
Máy móc, thiết bị văn phòng	818.953.488	1.387.374.459
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.410.501.026</b>	<b>7.339.009.565</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Công ty TNHH Việt Đức	22.603.399.248	23.194.729.248
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Hà Minh	14.411.650.417	9.372.179.772
Công ty TNHH Kinh doanh thép và vật tư Bình Minh	3.403.775.012	9.466.468.741
Công ty TNHH Xây dựng và xử lý nền móng Việt Hùng	3.125.495.420	-
Công ty Cổ phần công nghiệp Fuji Việt Nam	1.927.860.000	-
Các khoản phải trả người bán khác	166.010.976.962	246.198.864.071
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>211.483.157.059</b>	<b>288.232.241.832</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	17.929.999.989	17.929.999.989
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh	8.000.000.000	1.263.379.118
Công ty TNHH công nghệ Amtam Việt Nam áy Amtran	7.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Hồng Ngọc Việt	5.136.065.320	-
Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Toàn Cầu	3.915.129.273	6.880.277.273
Công ty TNHH Yakult Việt Nam	-	7.752.541.500
Trường Đại học Việt Đức	-	3.253.083.768
Công ty TNHH Công nghệ Hitron	-	39.727.200.000
Các công trình khác	11.851.392.758	19.849.595.094
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.632.587.340</b>	<b>96.656.076.742</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.707.585.158	2.755.432.375	(1.659.173.322)	3.803.844.211
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.108.677.114	404.314.362	(745.689.282)	767.302.194
Thuế thu nhập cá nhân	166.798.106	757.844.132	(538.150.222)	386.492.016
Các loại thuế khác	86.940.889	49.532.991	(132.645.880)	3.828.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.070.001.267</b>	<b>3.967.123.860</b>	<b>(3.075.658.706)</b>	<b>4.961.466.421</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Chi phí xây dựng trích trước cho hợp đồng xây dựng các công trình:		
Đại học Việt Đức	10.137.008.407	18.436.585.625
Nhà máy Tokyo Denso	8.741.883.802	12.282.692.090
Nhà máy Chu Pah	811.002.303	1.760.600.000
Nhà máy Nikkiso	469.827.666	-
Nhà máy điện Nissin	-	3.030.000.000
Các công trình khác	-	500.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	114.294.636	863.293.535
	265.345.866	248.788.969
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.402.354.273</b>	<b>18.685.374.594</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Kinh phí bảo trì tòa nhà H10 Thanh Xuân Nam	149.207.802	163.969.202
Bảo hiểm, kinh phí công đoàn	793.896.003	587.623.799
Các khoản phải trả khác	1.239.186.938	1.019.593.301
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.182.290.743</b>	<b>1.771.510.290</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	206.065.837.044	206.065.837.044	193.165.188.531	(180.153.170.025)	219.077.855.550	219.077.855.550
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	1.300.000.000	1.300.000.000	750.000.000	(650.000.000)	1.400.000.000	1.400.000.000
	<b>207.365.837.044</b>	<b>207.365.837.044</b>	<b>193.915.188.531</b>	<b>(180.803.170.025)</b>	<b>220.477.855.550</b>	<b>220.477.855.550</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	2.341.300.000	2.341.300.000	-	(750.000.000)	1.591.300.000	1.591.300.000
	<b>2.341.300.000</b>	<b>2.341.300.000</b>	<b>-</b>	<b>(750.000.000)</b>	<b>1.591.300.000</b>	<b>1.591.300.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>209.707.137.044</b>	<b>209.707.137.044</b>	<b>193.915.188.531</b>	<b>(181.553.170.025)</b>	<b>222.069.155.550</b>	<b>222.069.155.550</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VAY (tiếp theo)**

**17.1 Vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây	210.944.608.786	Gốc vay đáo hạn từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 2 năm 2021. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng.	7,8% - 8,5%	Bất động sản, tài sản cố định hữu hình theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/178582/HĐBĐ ngày 28 tháng 3 năm 2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2017/178582/HĐBĐ ngày 6 tháng 10 năm 2017 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ	8.133.246.764	Gốc vay đáo hạn từ tháng 10 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng.	7,9% - 8,4%	Bất động sản theo Giấy Chứng Nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD824080 cấp ngày 13 tháng 4 năm 2016 và các quyền đòi nợ hình thành từ các Hợp đồng số 01/GL01-NCB/2019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 và 08/2019/HĐ-249TK/GPI-VISICONS ngày 5 tháng 11 năm 2019 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội và Công ty
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>219.077.855.550</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. **VAY** (tiếp theo)

17.2 **Vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây	2.991.300.000	Gốc vay được trả hàng quý theo lịch trả nợ. Hạn trả gốc cuối cùng vào tháng 10 năm 2022. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng	10,9% - 11%	Bất động sản, tài sản cố định hữu hình theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/178582/HĐBBĐ ngày 28 tháng 3 năm 2016 và hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2017/178582/HĐBBĐ ngày 6 tháng 10 năm 2017 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.991.300.000</b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.400.000.000</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.591.300.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	80.000.000.000	14.612.324.709	10.354.447.344	7.693.357.024	112.660.129.077
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.446.078.952	1.446.078.952
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(433.357.024)	(433.357.024)
Chia cổ tức	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(60.000.000)	(60.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	80.000.000.000	14.612.324.709	10.354.447.344	1.446.078.952	106.412.851.005
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	80.000.000.000	14.612.324.709	10.354.447.344	7.941.551.621	112.908.323.674
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.559.240.456	1.559.240.456
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	609.551.621	(609.551.621)	-
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	-	-	-	(132.000.000)	(132.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	80.000.000.000	14.612.324.709	10.963.998.965	1.559.240.456	107.135.564.130

(\*) Theo Nghị quyết ngày 9 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc chia cổ tức và trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối như sau:

- ▶ chia cổ tức cho năm 2019 bằng tiền với số tiền là 7,2 tỷ VND;
- ▶ trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 609 triệu VND;
- ▶ trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát là 132 triệu VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Tổng số	Cổ phiếu thường
Ông Hoàng Hoa Cường	14.451.880.000	1.445.188	14.451.880.000	1.445.188
Ông Trần Văn Khánh	13.478.150.000	1.347.815	13.478.150.000	1.347.815
Maeda Corporation	8.000.000.000	800.000	8.000.000.000	800.000
Ông Nguyễn Phan Tuấn	5.993.000.000	599.300	5.993.000.000	599.300
Các cổ đông khác	38.076.970.000	3.807.697	38.076.970.000	3.807.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>8.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>8.000.000</b>

**18.3 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2018: 900VND/cổ phiếu	-	7.200.000.000
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2019: 900VND/cổ phiếu	7.200.000.000	-

**18.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.000.000</i>	<i>8.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>399.742.407.279</b>	<b>394.867.447.612</b>
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	398.086.177.673	394.602.174.883
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	1.656.229.606	265.272.729
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>399.742.407.279</b>	<b>394.867.447.612</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	394.529.272.900	357.924.704.992
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh 25)	5.213.134.379	36.942.742.620

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ và tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành	29.259.688.745	11.145.396.513
Doanh thu được ghi nhận trong kỳ của hợp đồng xây dựng đang thực hiện	368.826.488.928	383.456.778.370
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>398.086.177.673</b>	<b>394.602.174.883</b>
Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện tính đến cuối kỳ	1.025.536.374.175	1.128.226.908.395

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lãi tiền gửi	105.058.939	80.772.719
Lãi thu từ việc ứng vốn cho các tổ đội thi công	5.115.618.640	5.786.481.873
Khác	1.308.261	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.221.985.840</b>	<b>5.867.254.592</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Giá vốn hợp đồng xây dựng	383.406.104.643	381.379.643.082
Giá vốn kinh doanh bất động sản và cho thuê khác	1.739.917.198	76.629.655
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>385.146.021.841</u></b>	<b><u>381.456.272.737</u></b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí nhân viên quản lý	6.130.433.372	5.562.583.889
Chi phí công cụ, dụng cụ	507.566.815	539.478.224
Chi phí khấu hao TSCĐ	791.871.237	869.356.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.611.765	253.337.309
Chi phí khác	1.893.283.313	1.829.437.802
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.598.766.502</u></b>	<b><u>9.054.193.502</u></b>

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>783.486.906</b>	<b>462.874.042</b>
Thu hồi từ đền bù mất công cụ dụng cụ tại công trường	318.055.550	-
Lãi chậm trả liên quan tới Dự án KĐT mới Bắc An Khánh	465.431.356	462.874.042
<b>Chi phí khác</b>	<b>42.704.991</b>	<b>4.118.696</b>
Phạt chậm nộp thuế	42.704.991	4.118.696
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>740.781.915</u></b>	<b><u>458.755.346</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	205.156.255.758	173.340.644.344
Chi phí nhân công	95.646.839.756	143.884.919.175
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.709.204.079	1.996.503.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.907.308.352	41.665.528.947
Chi phí khác	2.537.024.898	1.921.647.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>319.956.632.843</u></b>	<b><u>362.809.242.890</u></b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	400.486.362	362.549.412
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>400.486.362</u></b>	<b><u>362.549.412</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.959.726.818</b>	<b>1.808.628.364</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	391.945.364	361.725.673
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ	8.540.998	823.739
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>400.486.362</u></b>	<b><u>362.549.412</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 30 tháng 6 năm 2019 như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	Bên liên quan khác	Doanh thu từ hoạt động xây lắp	5.213.134.379	36.942.742.620

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thông thường trên thị trường.

Ngoại trừ các khoản đi vay, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (31 tháng 12 năm 2019: không).

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</i></b>				
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	Bên liên quan khác	Phải thu về doanh thu từ hoạt động xây lắp	30.409.211.305	43.546.981.148
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>30.409.211.305</b>	<b>43.546.981.148</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.496.423.039	1.132.075.909
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.496.423.039</u></b>	<b><u>1.132.075.909</u></b>

**26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.559.240.456	1.446.078.952
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	(304.775.810)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (*)	-	(66.000.000)
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>1.559.240.456</u></b>	<b><u>1.075.303.142</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>8.000.000</u></b>	<b><u>8.000.000</u></b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	195	134
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	195	134

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ đầu tư phát triển và chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát được trích lập từ lợi nhuận của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 của Công ty và được phân bổ đều giữa 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Lê Thị Linh  
Người lập



Mai Phương Anh  
Kế toán trưởng



Hoàng Hoa Cường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

